

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/ 9/2020.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn;
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Cánh đồng A, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Cánh đồng A, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông U vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:** Bà và ông Huỳnh Văn U tự nguyện kết hôn vào năm 2009, đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông U có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/4/2010 và cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày

26/12/2015. Ly hôn, bà yêu cầu giao cháu H và cháu T cho ông U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Huỳnh Văn U trình bày:** Ông và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 10/2019, bà H tự ý bỏ nhà đi về sống tại nhà mẹ ruột ở tỉnh Bến Tre. Ông đã nhiều lần tìm cách liên lạc với bà H để nói chuyện và mong muốn bà H quay về nhưng bà H không đồng ý. Từ đó đến nay ông và bà H không còn sống chung với nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà H có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/4/2010 và cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày 26/12/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và cháu T. Tạm thời ông không yêu cầu bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án;** việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H. Cho bà H được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/4/2010 và Huỳnh Tấn T, sinh ngày 26/12/2015 cho ông U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” thuộc

trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bà Lê Thị H và bị đơn ông Huỳnh Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn U tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 và đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, ông U cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì; ông còn yêu thương bà H và mong muốn gia đình được đoàn tụ nên ông U không đồng ý ly hôn. Ông U xác định bà H đã bỏ về nhà mẹ ở tỉnh Bến Tre để sinh sống từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Ông U đã nhiều lần tìm cách liên lạc với bà H để nói chuyện và mong muốn bà H quay về nhưng bà H không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả vì bà H vắng mặt và vẫn cương quyết ly hôn với ông U. Xét thấy, vợ chồng bà H, ông U không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà H, ông U có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/4/2010 và cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày 26/12/2015. Bà H và ông U đều có nguyện vọng để cho ông U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với ông U. Do vậy, giao cháu H và cháu T cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông U không yêu cầu nên tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn U.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Thúy H, sinh ngày 01/4/2010 và cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày 26/12/2015 cho ông U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0007328 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Trảng Bom;
 - THADS huyện Trảng Bom;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - UBND xã Sông Thao, huyện Trảng, tỉnh Đồng Nai.
- (Giấy CNKH số 93, ngày 11/11/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm